

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2016/2017

Division : Girls A Grade (女子甲組)
 女子甲組
Date : 2016/11/26, 2016/11/27, 2016/12/03
Venue : Hong Kong Squash Centre
 香港壁球中心

MD					
Round 1	Round 2	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final	
Cheng Pik Ching 鄭碧澄 (浸聯)(1) --	Cheng Pik Ching 鄭碧澄 (浸聯)(1) 2016-11-27 / 10:00 / Crt 7 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 9 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 7 TBC	TBC CHAMPION 2016-12-03 / 15:00 / Crt 8	
Hung Pui Ying 洪珮瑩 (基福) 2016-11-26 / 15:00 / Crt 9 Ng Chin Wai Denise 吳芊慧 (救恩)					
Tang Nga Man 鄧雅汶 (聖約瑟) --	Tang Nga Man 鄧雅汶 (聖約瑟) 2016-11-27 / 10:00 / Crt 11 Li Hoi Ting 李凱婷 (兩川) (5/8)	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 8 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 7 TBC		
Li Hoi Ting 李凱婷 (兩川) (5/8)					
Li Tsz Yau 李籽優 (浸聯) (5/8) --	Li Tsz Yau 李籽優 (浸聯) (5/8) 2016-11-27 / 10:00 / Crt 10 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 8 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 7 TBC		
Wong Lai Sze 黃禮施 (青松) 2016-11-26 / 15:00 / Crt 8 Tang Ka Ka 鄧家家 (聖約瑟)					
Lau Tim Kiu Janice 劉恬喬 (田家炳千禧) 2016-11-26 / 15:00 / Crt 7 Ng Si Wing Athena 吳思穎 (浸聯)	TBC 2016-11-27 / 10:00 / Crt 5 Tong Chui Yuk 湯翠鈺 (基福) (3/4)	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 8 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 7 TBC		TBC
Tong Chui Yuk 湯翠鈺 (基福) (3/4)					
Lee Sze Lok 李施樂 (基福) (3/4) --	Lee Sze Lok 李施樂 (基福) (3/4) 2016-11-27 / 10:20 / Crt 9 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 7 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 7 TBC		TBC
Fung Tsz Yi 馮紫怡 (聖約瑟) 2016-11-26 / 15:00 / Crt 11 Barton Emma Patrica 白艾文 (救恩)					
Kwok Yee Lam 郭禕臨 (基福) --	Kwok Yee Lam 郭禕臨 (基福) 2016-11-27 / 10:20 / Crt 8 Lai Nga Yin 黎雅絃 (聖約瑟) (5/8)	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 7 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 7 TBC	TBC 3/4 PLAYOFF 2016-12-03 / 14:40 / Crt 8	
Lai Nga Yin 黎雅絃 (聖約瑟) (5/8)					
Liu Yan Nam 廖殷嵐 (浸聯) (5/8) --	Liu Yan Nam 廖殷嵐 (浸聯) (5/8) 2016-11-27 / 10:20 / Crt 7 Cheng Yu Kiu 鄭于翹 (聖約瑟)	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 11 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 11 TBC	TBC	
Cheng Yu Kiu 鄭于翹 (聖約瑟)					
Cheung Hiu Tung Toby 張曉桐 (聖文德) 2016-11-26 / 15:00 / Crt 10 Jayaraman Neytra Sreenivas (德瑞國際GSIS)	TBC 2016-11-27 / 10:20 / Crt 11 Ha Yu Fei Christina 夏榆斐 (基福) (2)	TBC 2016-11-27 / 14:20 / Crt 11 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:40 / Crt 11 TBC	TBC	
Ha Yu Fei Christina 夏榆斐 (基福) (2)					

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2016/2017

Division : Girls B Grade (女子乙組)
 女子乙組
Date : 2016/11/26, 2016/11/27, 2016/12/03
Venue : Hong Kong Squash Centre
 香港壁球中心

MD				
Round 1	Round 2	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Leung Ka Huen 梁加萱 (浸聯)(1) --	Leung Ka Huen 梁加萱 (浸聯)(1) 2016-11-27 / 09:40 / Crt 9 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 9 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC
So Wan Kiu 蘇韻菁 (基福) 2016-11-26 / 15:40 / Crt 5 Tsang Tsz Wing 曾子穎 (培正)				
Lo Sin Tung 盧蕙瞳 (沙官) 2016-11-26 / 15:40 / Crt 4 Chau Yan Tung Caitlyn 周恩彤 (救恩)	TBC 2016-11-27 / 09:40 / Crt 8 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 8 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC
Lee Yee Yan 李以恩 (聖安多尼) 2016-11-26 / 15:40 / Crt 3 Tang Tsz Shan 鄧子珊 (聖約瑟) (5/8)				
Pan Xin Ming Ariel 潘信明 (基福) (5/8) --	Pan Xin Ming Ariel 潘信明 (基福) (5/8) 2016-11-27 / 09:40 / Crt 7 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 8 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 7 TBC	CHAMPION 2016-12-03 / 14:20 / Crt 8
Lau Lok Yi 劉樂怡 (浸聯) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 9 Po Long Ching Megan 布朗晴 (救恩)				
Hon Wai Lam 韓惠琳 (基福) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 8 Lam Janelle 林明慧 (浸聯)	TBC 2016-11-27 / 09:40 / Crt 11 Lau Ching Lam 劉晴琳 (沙官) (3/4)	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 8 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC
-- Lau Ching Lam 劉晴琳 (沙官) (3/4)				
Weng Yi Ching 翁怡晴 (基福) (3/4) --	Weng Yi Ching 翁怡晴 (基福) (3/4) 2016-11-27 / 09:40 / Crt 10 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 7 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 11 TBC	TBC
Law Hei Yau 羅熙柔 (浸聯) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 7 Lam Cho Man 林楚雯 (嘉諾撒)				
Cheung Wing Kiu 張穎喬 (聖約瑟) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 11 Chan Tsz Hei 陳芷晞 (培正)	TBC 2016-11-27 / 09:40 / Crt 5 Au Ling Yu 歐令瑜 (沙官) (5/8)	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 7 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 11 TBC	3/4 PLAYOFF 2016-12-03 / 14:00 / Crt 11
-- Au Ling Yu 歐令瑜 (沙官) (5/8)				
Huang Valerie Kaitlyn 黃慧琦 (弘立) (5/8) --	Huang Valerie Kaitlyn 黃慧琦 (弘立) (5/8) 2016-11-27 / 10:00 / Crt 9 TBC	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 11 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 11 TBC	TBC
Kwong Cheuk Ying 鄺卓瑩 (雨川) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 10 Lai Ka Wing 黎家穎 (浸聯)				
Leung Yuet 梁悅 (救恩) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 5 Li Frances 李曉敏 (聖約瑟)	TBC 2016-11-27 / 10:00 / Crt 8 Cheung Ho Yan 張可欣 (基福) (2)	TBC 2016-11-27 / 14:00 / Crt 11 TBC	TBC 2016-12-03 / 11:20 / Crt 11 TBC	TBC
-- Cheung Ho Yan 張可欣 (基福) (2)				

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2016/2017

Division : Girls C Grade (女子丙組)
 女子丙組
Date : 2016/11/26, 2016/11/27, 2016/12/03
Venue : Hong Kong Squash Centre
 香港壁球中心

MD (TOP HALF)					
Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Lau Wai Tung 劉蔚瞳 (基福)(1) --	Lau Wai Tung 劉蔚瞳 (基福)(1) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 4 TBC				
Tam Tsz Ying Tiffany 談子盈 (救恩) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 9 Chan Tsz Yau 陳芷悠 (浸聯)		TBC 2016-11-27 / 11:20 / Crt 7 TBC			
Leung Ka Yan 梁家欣 (博梁省德) --	Leung Ka Yan 梁家欣 (博梁省德) 2016-11-26 / 16:00 / Crt 3				
-- Lam Jillian 林沅容 (弘立) (9/16)	Lam Jillian 林沅容 (弘立) (9/16)		TBC 2016-11-27 / 15:20 / Crt 9 TBC		TBC
Tang Tsz Yin 鄧芷妍 (聖約瑟) (9/16) --	Tang Tsz Yin 鄧芷妍 (聖約瑟) (9/16) 2016-11-26 / 16:20 / Crt 9 TBC				CHAMPION 2016-12-03 / 14:00 / Crt 8
Sophie Zihan Perrot 葛子涵 (弘立) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 8 Chan Kam Yiu 陳錦瑤 (嘉諾撒)		TBC 2016-11-27 / 11:20 / Crt 11 TBC			
Chan Lok Yee 陳樂而 (聖心私立) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 7 Au Yeung Yuk Yi 歐陽鈺宜 (救恩)	TBC 2016-11-26 / 16:20 / Crt 8				TBC
-- Fung Hoi Ching 馮凱澄 (沙官) (5/8)	Fung Hoi Ching 馮凱澄 (沙官) (5/8)			TBC 2016-12-03 / 11:00 / Crt 7 TBC	
Ho Wing Kai 何咏珈 (沙官) (5/8) --	Ho Wing Kai 何咏珈 (沙官) (5/8) 2016-11-26 / 16:20 / Crt 7 TBC				
Ho. Pak Ying 何柏瑩 (博梁省德) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 11 Pun Wai Ying 潘慧盈 (聖約瑟)		TBC 2016-11-27 / 11:20 / Crt 10 TBC			TBC
Tam Hong Kiu 譚匡喬 (基福) --	Tam Hong Kiu 譚匡喬 (基福) 2016-11-26 / 16:20 / Crt 11				
-- Kwong Ena 鄺恩琳 (浸聯) (9/16)	Kwong Ena 鄺恩琳 (浸聯) (9/16)				3/4 PLAYOFF 2016-12-03 / 14:20 / Crt 11
Lam Nok Sze 林諾詩 (浸聯) (9/16) --	Lam Nok Sze 林諾詩 (浸聯) (9/16) 2016-11-26 / 16:20 / Crt 10			TBC 2016-11-27 / 15:20 / Crt 8 TBC	
-- Poon Ho Yee 潘可兒 (沙官)	Poon Ho Yee 潘可兒 (沙官)				TBC
Lau Tim Lam Venus 劉恬嵐 (田家炳千禧) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 10 Lam Wai Yu 劉蕙瑜 (博梁省德)	TBC 2016-11-26 / 16:20 / Crt 5		TBC 2016-11-27 / 11:20 / Crt 5 TBC		
-- Liu Hui Yee Charmaine 廖栩怡 (救恩) (3/4)	Liu Hui Yee Charmaine 廖栩怡 (救恩) (3/4)				

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2016/2017

Division : Girls C Grade (女子丙組)
 女子丙組
Date : 2016/11/26, 2016/11/27, 2016/12/03
Venue : Hong Kong Squash Centre
 香港壁球中心

MD (BOTTOM HALF)					
Round 1	Round 2	Round 3	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Tse Chi Ting Anson 謝姿廷 (北角官立) (3/4) --	Tse Chi Ting Anson 謝姿廷 (北角官立) (3/4) 2016-11-26 / 16:20 / Crt 4 TBC	TBC			
Ng Tak Ue 伍德好 (嘉諾撒) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 5 Chan Tsz Kiu 陳梓蕎 (浸聯)		TBC 2016-11-27 / 11:40 / Crt 9 TBC			
Yang Chun Ning Jeannie 楊珺甯 (弘立) --	Yang Chun Ning Jeannie 楊珺甯 (弘立) 2016-11-26 / 16:20 / Crt 3				
--	Wong Tsz Ting 王芷亭 (聖約瑟) (9/16)		TBC 2016-11-27 / 15:20 / Crt 7 TBC		TBC
Wong Tsz Ting 王芷亭 (聖約瑟) (9/16) --	Chan Wai Shan 陳慧珊 (基福) (9/16) 2016-11-26 / 16:40 / Crt 9				CHAMPION 2016-12-03 / 14:00 / Crt 8
Chan Wai Shan 陳慧珊 (基福) (9/16) --	Ho Ka Wing 何嘉穎 (救恩)	TBC			
Ho Ka Wing 何嘉穎 (救恩)		TBC 2016-11-27 / 11:40 / Crt 8 TBC			TBC
Lam Wing Kwan Tiffany 林泳鈞 (香港真光) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 4 Lau Yu Yan 劉愉恩 (博梁省德)	TBC 2016-11-26 / 16:40 / Crt 8			TBC 2016-12-03 / 11:00 / Crt 11 TBC	
--	Ong Zhe Sim 王澤心 (沙官) (5/8)				
Ong Zhe Sim 王澤心 (沙官) (5/8)					
Chung Yee Ling Elaine 鍾依伶 (浸聯) (5/8) --	Chung Yee Ling Elaine 鍾依伶 (浸聯) (5/8) 2016-11-26 / 16:40 / Crt 7 TBC				
Tong Xinran 童欣然 (弘立) 2016-11-26 / 11:20 / Crt 3 Chan Pak Sum 陳栢心 (聖約瑟)		TBC 2016-11-27 / 11:40 / Crt 7 TBC			TBC
Tse Ka Wai Joanne 謝家瑋 (聖文德) --	Tse Ka Wai Joanne 謝家瑋 (聖文德) 2016-11-26 / 16:40 / Crt 11				
--	Chan Hiu Wai 陳曉慧 (基福) (9/16)		TBC 2016-11-27 / 15:20 / Crt 11 TBC		3/4 PLAYOFF 2016-12-03 / 14:20 / Crt 11
Chan Hiu Wai 陳曉慧 (基福) (9/16) --	Chan Vanessa Ann 陳心茹 (弘立) (9/16) 2016-11-26 / 16:40 / Crt 10				
Chan Vanessa Ann 陳心茹 (弘立) (9/16) --	Lai Hiu Yau 黎曉柔 (博梁省德)	TBC 2016-11-27 / 11:40 / Crt 11 TBC			TBC
--	Lai Hiu Yau 黎曉柔 (博梁省德)				
Wai Tsz Yan 衛梓昕 (沙官) 2016-11-26 / 11:40 / Crt 9 Chow Wai Kiu 周慧喬 (救恩)	TBC 2016-11-26 / 16:40 / Crt 5				
--	Xie Ka Wing 謝錄穎 (基福) (2)				
Xie Ka Wing 謝錄穎 (基福) (2)					